

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HS-ST
Ngày 23-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lăng Thị Lê Thùy

Bà Hà Thị Hồng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thu Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/HSST-QĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 38/2022/QĐ-TA ngày 19 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Đ, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 15 tháng 10 năm 1967, tại: T, Hà Nội. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số 48, Phố M, phường T1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Tiến T (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị N (Đã chết); có chồng: Đoàn Ngọc V (Đã chết), chồng thứ hai: Nguyễn Văn C, sinh năm 1967; con: Có 04 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08/12/1988 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 18 tháng tù về tội Không tổ giác tội phạm (Đã được xóa án tích). Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2022 đến ngày 02/6/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Đinh Thị B, sinh năm 1975, nơi thường trú: Số 6/1, đường C, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Chị Tổng Thị Thu H, sinh năm 1974, nơi thường trú: Số 50, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.
3. Chị Nguyễn Phương H, sinh năm 1981, nơi thường trú: Thôn X, xã K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nơi ở hiện nay: Số 48, Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.
4. Chị Vũ Kim H, sinh năm 1973, nơi thường trú: Số 612 đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.
5. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1976, nơi thường trú: Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.
6. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978, nơi thường trú: Số 164, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 7/2020, Nguyễn Thị Đ cho 06 người vay tiền dưới hình thức “bát hộ”, một bát hộ là 10.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày kể từ ngày vay, lãi suất cắt trước 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng, tương ứng với lãi suất từ 4.000 đồng đến 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với 146% đến 760,4%/năm, số tiền người vay thực nhận từ 7.500.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Trường hợp người vay chưa thanh toán đủ tiền mà muốn vay tiếp thì Nguyễn Thị Đ cho vay bát mới hoặc đảo bát; nếu người vay đảo bát, Nguyễn Thị Đ sẽ trừ tiền lãi cắt trước cộng với tiền bát hộ chưa đóng và đưa số tiền còn lại cho người vay.

Khi khách có nhu cầu vay, bị cáo Nguyễn Thị Đ đưa tiền vay cho khách và đi thu tiền gốc. Việc cho vay được bị cáo tự theo dõi hàng ngày tại sổ sách. Đối với những bát hộ người vay đã trả đủ hoặc đảo bát thì bị cáo gạch sổ, đối với những bát hộ người vay còn nợ và những bát hộ đang trong thời gian thanh toán hàng ngày nhưng do bị cơ quan chức năng phát hiện nên vẫn chưa gạch sổ.

Theo cách thức này Nguyễn Thị Đ đã cho những 06 người vay tiền, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên người vay tiền	Số lần vay	Thời gian vay từ ngày	đến ngày	Số tiền gốc vay (đồng)	Số tiền Nguyễn Thị Đ đã cắt lãi (đồng)	Số ngày vay theo thỏa thuận ban đầu	Số ngày vay thực tế	Lãi suất vay theo thỏa thuận (%/năm)	Số tiền lãi trong quy định 20%/năm (đồng)	Số tiền thu lời bất chính (đồng)
1	Đinh Thị B	1	13/07/2020	18/08/2020	10.000.000	2.500.000	50	37	246,622	202.740	2.297.260
		2	18/08/2020	06/10/2020	10.000.000	2.500.000	50	50	182,5	273.973	2.226.027
		3	08/08/2020	12/09/2020	10.000.000	2.500.000	50	36	253,472	197.260	2.302.740
		4	12/09/2020	19/10/2020	10.000.000	2.500.000	50	38	240,132	208.219	2.291.781
		5	19/10/2020	20/11/2020	10.000.000	2.500.000	50	33	276,515	180.822	2.319.178

		6	24/09/2020	29/10/2020	10.000.000	2.500.000	50	36	253,472	197.260	2.302.740
		7	29/10/2020	01/12/2020	10.000.000	2.500.000	50	34	268,382	186.301	2.313.699
		8	01/12/2020	19/01/2021	10.000.000	2.500.000	50	50	182,5	273.973	2.226.027
		9	20/11/2020	08/01/2021	10.000.000	2.500.000	50	50	182,5	273.973	2.226.027
			Tổng		90.000.000	22.500.000					20.505.479
2	Tống Thị Thu H	1	17/11/2020	23/12/2020	50.000.000	12.500.000	50	37	246,622	1.013.699	11.486.301
		2	23/12/2020	10/02/2021	50.000.000	12.500.000	50	50	182,5	1.369.863	11.130.137
		3	26/01/2021	15/03/2021	25.000.000	6.250.000	50	50	182,5	684.932	5.565.068
		4	30/01/2021	19/03/2021	100.000.000	25.000.000	50	50	182,5	2.739.726	22.260.274
		5	18/02/2021	07/04/2021	25.000.000	6.250.000	50	50	182,5	684.932	5.565.068
		6	23/04/2021	12/06/2021	50.000.000	12.500.000	50	50	182,5	1.369.863	11.130.137
		7	27/05/2021	05/07/2021	100.000.000	25.000.000	50	40	228,125	2.191.781	22.808.219
		8	05/07/2021	09/08/2021	100.000.000	25.000.000	50	36	253,472	1.972.603	23.027.397
		9	09/08/2021	27/09/2021	100.000.000	25.000.000	50	50	182,5	2.739.726	22.260.274
		10	19/07/2021	25/08/2021	50.000.000	12.500.000	50	38	240,132	1.041.096	11.458.904
		11	25/08/2021	13/10/2021	50.000.000	12.500.000	50	50	182,5	1.369.863	11.130.137
		12	20/10/2021	23/11/2021	50.000.000	12.500.000	50	35	260,714	958.904	11.541.096
		13	23/11/2021	28/12/2021	50.000.000	12.500.000	50	36	253,472	986.301	11.513.699
		14	28/12/2021	04/02/2022	50.000.000	12.500.000	50	38	240,132	1.041.096	11.458.904
		15	01/11/2021	12/12/2021	50.000.000	12.500.000	50	42	217,262	1.150.685	11.349.315
		16	12/12/2021	19/01/2021	50.000.000	12.500.000	50	39	233,974	1.068.493	11.431.507
		17	19/01/2022	28/02/2022	50.000.000	12.500.000	50	41	182,5	1.369.863	11.130.137
		18	30/01/2022	28/02/2022	50.000.000	12.500.000	50	30	182,5	1.369.863	11.130.137
		19	10/04/2022	21/04/2022	20.000.000	5.000.000	50	12	760,417	131.507	4.868.493
			Tổng		1.070.000.000	267.500.000					242.245.205
3	Nguyễn Phương H	1	23/03/2021	30/04/2021	50.000.000	10.000.000	50	38	192,105	1.041.096	8.958.904
		2	29/04/2021	04/06/2021	50.000.000	10.000.000	50	37	197,297	1.013.699	8.986.301
		3	04/06/2021	23/07/2021	50.000.000	10.000.000	50	50	146	1.369.863	8.630.137
		4	27/01/2022	16/03/2022	25.000.000	5.000.000	50	50	146	684.932	4.315.068
		5	02/03/2022	10/04/2022	50.000.000	10.000.000	50	40	182,5	1.095.890	8.904.110
		6	10/04/2022	21/04/2022	50.000.000	10.000.000	50	12	146	1.369.863	8.630.137
			Tổng		275.000.000	55.000.000					48.424.658
4	Vũ Kim H	1	07/01/2022	18/02/2022	50.000.000	12.500.000	50	43	212,209	1.178.082	11.321.918
		2	18/02/2022	08/03/2022	50.000.000	12.500.000	50	21	182,5	1.369.863	11.130.137
		3	08/02/2022	08/03/2022	50.000.000	12.500.000	50	29	182,5	1.369.863	11.130.137
			Tổng		150.000.000	37.500.000					33.582.192
5	Nguyễn Thị C	1	31/01/2022	19/03/2022	10.000.000	2.000.000	50	50	146	273.973	1.726.027
		2	02/03/2022	01/04/2022	30.000.000	6.000.000	50	31	235,484	509.589	5.490.411
		3	01/04/2022	21/04/2022	30.000.000	6.000.000	50	21	146	821.918	5.178.082
		4	18/03/2022	21/04/2022	10.000.000	2.000.000	50	35	146	273.973	1.726.027
			Tổng		80.000.000	16.000.000					14.120.548
6	Nguyễn Thị L	1	10/04/2022	21/04/2022	10.000.000	2.000.000	50	12	146	273.973	1.726.027
Tổng cộng					1.675.000.000	400.500.000				39.895.890	360.604.110

Trong tổng số các bắt họ trên, đối với những khoản vay mà người vay tiền đang phải thanh toán mà bị cáo Nguyễn Thị Đ bị bắt giữ, do bị cáo đã cắt tiền lãi trước nên số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự bao gồm tiền lãi người vay phải trả trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo

quy định của Bộ luật Dân sự tính đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền phát hiện và ngăn chặn hành vi phạm tội, lãi suất cho vay được tính dựa theo số ngày vay hai bên đã thỏa thuận ban đầu là 50 ngày, trong đó có các khoản vay sau:

STT	Họ và tên người vay tiền	Thời gian vay từ ngày	Thời gian vay đến ngày	Số tiền gốc vay (đồng)	Số tiền Nguyễn Thị Đ đã cắt lãi (đồng)	Số ngày vay thực tế	Lãi suất vay theo thỏa thuận (%/năm)	Số tiền lãi trong quy định 20%/năm (đồng)	Số tiền thu lời bất chính (đồng)
1	Tổng Thị Thu H	19/01/2022	28/02/2022	50.000.000	12.500.000	41	182,5	1.369.863	11.130.137
		30/01/2022	28/02/2022	50.000.000	12.500.000	30	182,5	1.369.863	11.130.137
2	Nguyễn Phương H	10/04/2022	21/04/2022	50.000.000	10.000.000	12	146	1.369.863	8.630.137
3	Vũ Kim H	18/02/2022	08/03/2022	50.000.000	12.500.000	21	182,5	1.369.863	11.130.137
		08/02/2022	08/03/2022	50.000.000	12.500.000	29	182,5	1.369.863	11.130.137
4	Nguyễn Thị C	01/04/2022	21/04/2022	30.000.000	6.000.000	21	146	821.918	5.178.082
		18/03/2022	21/04/2022	10.000.000	2.000.000	35	146	273.973	1.726.027
5	Nguyễn Thị L	10/04/2022	21/04/2022	10.000.000	2.000.000	12	146	273.973	1.726.027

Tại bản cáo trạng số 81/CT-VKSLS-P1 ngày 18 tháng 7 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Đ về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Thị Đ khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến ngày 23/4/2022, Nguyễn Thị Đ đã cho 06 khách vay tiền nhiều lần gồm: Đinh Thị B, Tổng Thị Thu H, Nguyễn Phương H, Vũ Kim H, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị L. Tổng số tiền bị cáo cho vay là 1.675.000.000 đồng. Với mức lãi suất từ 146% đến 760,4%/năm; tổng số tiền thu lời bất chính là 360.604.110 đồng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Đinh Thị B, Tổng Thị Thu H, Nguyễn Phương H, Vũ Kim H, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện có được vay tiền của Nguyễn Thị Đ với số lần vay, thời gian vay, số tiền vay, lãi suất và việc trả nợ gốc và trả lãi như nêu trên. Đến nay, Nguyễn Thị Đ cũng đã thanh toán tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả toàn bộ tiền gốc còn nợ cho Nguyễn Thị Đ và không yêu cầu bị cáo phải thanh toán thêm khoản nào khác, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đề nghị cơ bản giữ nguyên nội dung truy tố tại Cáo trạng và bổ sung, đính chính đối với bất vay ngày 10/4/2022 của Tổng Thị Thu H về số ngày tính lãi là 12 ngày, số tiền lãi hợp pháp là 131.507 đồng, lãi bất hợp pháp là 4.868.493 đồng; bất vay ngày 28/12/2021 của Tổng Thị Thu H về số ngày vay là 38 ngày, số tiền lãi hợp pháp là

1.041.096 đồng, lãi bất hợp pháp là 11.458.904 đồng do sai sót trong cách đặt tính, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng. Đề nghị xử phạt bổ sung với bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền gốc bị cáo cho vay lãi nặng là 1.675.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước. Truy thu bị cáo số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định là 39.895.890 đồng để sung ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền thu lời bất chính và số tiền gốc những người vay chưa thanh toán cho bị cáo đến nay giữa bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện xong nên không đề cập giải quyết.

Về án phí, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng và về việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng và việc thu thập chứng cứ, tài liệu của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt. Xét thấy, lời khai của những người vắng mặt tại Cơ quan điều tra đã rõ, do đó việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng đã thu giữ được và toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 04/2022 trên địa bàn thành phố L, Nguyễn Thị Đ đã cho 06 người vay lãi nặng gồm Đinh Thị B, Tống Thị Thu H, Nguyễn Phương H, Vũ Kim H, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị L với tổng số tiền cho vay 1.675.000.000 đồng, mức lãi xuất tối thiểu 146% đến 760,417%/năm (gấp 7,3 đến 38 lần lãi xuất tối đa được phép quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015). Tổng số tiền bị cáo thu lời bất chính là 360.604.110 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do háms lợi và coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện, do đó hành vi của bị cáo cần phải được xử lý theo quy định của pháp luật để nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thị Đ có 01 tiền án năm 1988 về tội Không tổ giác tội phạm, nay đã được xóa án tích.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Đ đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã trả lại số tiền thu lợi bất chính đã thu cho 06 người vay tiền, đồng thời những người này có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo được Hội chữ thập đỏ huyện C tặng giấy khen do có thành tích trong công tác thiện nguyện, đóng góp trong công tác thiện nguyện có xác nhận của Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố L. Do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Trên cơ sở các hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân. Hội đồng xét xử xét thấy đến nay bị cáo Nguyễn Thị Đ đã thực sự hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cải tạo tại địa phương là đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[9] Hình phạt bổ sung: Qua xác minh, bị cáo Nguyễn Thị Đ có tài sản riêng, có khả năng chấp hành hình phạt bổ sung, do đó cần xử phạt bổ sung là phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Đ 40.000.000 đồng.

[10] Về biện pháp tư pháp:

[11] Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định: "*1. Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với: a) Khoản tiền, tài sản khác người phạm tội dùng để cho vay;*". Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thị Đ khai trong các lần báo cáo bắt họ, bị cáo dùng chính số tiền của người vay đã trả cho bị cáo để cho chính người này vay lại, bị cáo chỉ tự bỏ số tiền rất nhỏ trong các khoản vay nêu trên, cụ thể: Nguyễn Thị Đ chỉ bỏ số tiền 30.000.000 đồng để cho Đinh Thị B vay; bỏ

520.000.000 đồng cho Tống Thị Thu H vay, bỏ 125.000.000 đồng cho Nguyễn Phương H vay; bỏ 100.000.000 đồng cho Vũ Thị Kim Hoa vay; bỏ 50.000.000 đồng cho Nguyễn Thị C vay. Tuy nhiên, ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc bị cáo sử dụng chính số tiền người vay trả để tiếp tục cho chính người vay đó vay lại. Do đó cần phải truy thu đối với toàn bộ số tiền gốc bị cáo cho vay lãi nặng. Đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội, là giao dịch dân sự vô hiệu, buộc bị cáo phải nộp lại tổng là 1.675.000.000 đồng để sung vào Ngân sách nhà nước.

[12] Truy thu bị cáo Nguyễn Thị Đ số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định là 39.895.890 đồng để sung ngân sách Nhà nước do là khoản tiền có được từ hành vi phạm tội.

[13] Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Đ đã hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho 06 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm Đinh Thị B, Tống Thị Thu H, Nguyễn Phương H, Vũ Kim H, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị L tương ứng với số tiền trong Cáo trạng đã nêu. Đồng thời 06 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án này cũng đã trả cho bị cáo số tiền gốc chưa thanh toán và không ai có ý kiến yêu cầu gì thêm thể hiện tại đơn trình bày và đơn xin giải quyết vắng mặt của 06 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập xem xét về khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo phải hoàn trả cho 06 người vay nêu trên.

[14] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 01 quyển sổ bìa màu nâu, đã qua sử dụng, bên trong có ghi nhiều chữ và số viết tay, 01 quyển sổ bìa màu đỏ có ghi chữ T8-400 Notebook, đã qua sử dụng, bên trong có ghi nhiều chữ và số viết tay, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs max màu vàng, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI: 353107103966673. Ngày 15/6/2022, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là Nguyễn Thị Đ chiếc điện thoại tạm giữ do không liên quan hành vi phạm tội. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 02 quyển sổ có nội dung ghi chép liên quan đến hành vi phạm tội đã nên được lưu theo hồ sơ vụ án.

[15] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[16] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[17] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án 23/8/2022 (Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2022 đến ngày 02/6/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Đ 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu số tiền gốc bị cáo Nguyễn Thị Đ cho vay lãi nặng để sung ngân sách Nhà nước là: 1.675.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Truy thu bị cáo Nguyễn Thị Đ số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định để sung ngân sách Nhà nước là 39.895.890 đồng (ba mươi chín triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, người CQLNVLQ;
- UBND phường T1;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Huyền